| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 1- HÀ TĨNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số 02/2026/HNGĐ-ST
Ngày 08-01-2026
V/v Ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HÀ TĨNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Trần Thị Thúy Hạnh

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Văn Lương

Ông Phan Thanh Dân

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 1- Hà Tĩnh;

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Hà Tĩnh tham gia phiên tòa***: Bà Dương Thị Tâm- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2026, tại Hội trường xét xử số 2, Toà án nhân dân khu vực 1- Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 149/2025/HNGĐ- ST, ngày 15/10/2025 về việc "Ly hôn, nuôi con chung"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01/12/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 18/12/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thùy N; sinh năm 1991; căn cước số 042191010685; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đoài Phú, xã Thạch Lạc, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Trần Văn S, sinh năm: 1991; căn cước số 042091007876; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: Thôn Đoài Phú, xã Thạch Lạc, tỉnh Hà Tĩnh. Nghề nghiệp: Lao động tự do tại Đài Loan (vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung Đơn khởi kiện đề ngày 03/9/2025, bản tự khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thùy N cũng như các tài liệu thu thập trong quá trình giải quyết, vụ án có nội dung như sau:

*Nguyên đơn trình bày:*

Quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn S đăng ký kết hôn vào ngày 11/12/2013 tại Uỷ ban nhân dân xã Tượng S, huyện Thạch Hà (nay là xã Thạch Lạc), tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 sau khi anh S đi lao động nước ngoài thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm. Từ năm 2020 vợ chồng cắt đứt liên lạc. Nhận thấy tình cảm không còn, không mong muốn tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân nên chị

làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 1- Hà Tĩnh xét xử cho chị được ly hôn với anh Trần Văn S.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung. Họ và tên: Trần Phúc Nhật Huy, sinh ngày 17/02/2015. Chị yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Con chung Trần Phúc Nhật H có đơn nguyện vọng được ở với mẹ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 1- Hà Tĩnh đã hai lần thông qua người nhà anh Trần Văn S là ông Trần Hồng Thiện yêu cầu cung cấp địa chỉ của anh S tại nước ngoài để Tòa án thực hiện tống đạt văn bản tố tụng nhưng gia đình từ chối cung cấp địa chỉ; chỉ cung cấp các thông tin sau: Anh Trần Văn S là con thứ 4 của vợ chồng ông, hiện đang lao động tự do tại Đài Loan, vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình qua điện thoại, ông đã thông báo cho anh S biết các văn bản Tòa án giao gửi và anh S có nêu quan điểm chưa xác định được lúc nào về Việt Nam, tuy nhiên anh mong muốn chị N suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ còn nếu chị N kiên quyết ly hôn thì anh đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của chị N. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng anh S- chị N ông không rõ nhưng có nghe vợ chồng thông báo với gia đình sẽ ly hôn cách đây hơn một năm.Về con chung của N- S có 01 con chung Trần Phúc Nhật H đang sống cùng chị N. Về tài sản chung, nợ chung của chị N - anh S theo ông biết là không có.

Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký và các đương sự, phân tích nội dung vụ việc, đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Về điều luật áp dụng: Đề nghị áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 123 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 3 Điều 2, khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 và mục A danh mục án phí ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 10 Nghị quyết 01/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 về Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thùy N, xử cho chị N được ly hôn với anh S. Về con chung: Đề nghị giao con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh S Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Đề nghị không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] ***Thủ tục tố tụng:***

[1.1] Bị đơn anh Trần Văn S có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh tại xã Thạch Lạc, tỉnh Hà Tĩnh, hiện đang cư trú tại nước ngoài (đã xuất cảnh vào ngày 14/10/2018 qua Cửa khẩu sân bay quốc tế Nội Bài hiện chưa có thông tin nhập cảnh). Nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 1- Hà Tĩnh giải quyết việc ly hôn, nuôi con. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 1- Hà Tĩnh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các biện pháp thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình để xác minh địa chỉ, quan điểm đối với bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài và đã thông báo về thời gian tố tụng cho bị đơn anh Trần Văn S thông qua người thân và thông báo trên kênh VOV World của Đài tiếng nói Việt Nam.

[1.3] Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

***[2] Nội dung:***

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn S và chị Nguyễn Thùy N tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đã được ủy ban nhân dân xã Thạch lạc, tỉnh Hà Tĩnh đăng ký kết hôn vào ngày 11/12/2013 . Căn cứ quy định tại Điều 9, Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân của anh S và chị N là hợp pháp.

Xác định tình trạng hôn nhân của anh S- chị N thấy rằng: Theo trình bày của chị N vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2019. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, chị N không còn tình cảm và mong muốn ly hôn. Anh S có nguyện vọng vợ chồng đoàn tụ nhưng lại không đưa ra giải pháp nào để hàn gắn tình cảm. Thực tế, hôn nhân của anh chị không còn tồn tại, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xử cho chị Nguyễn Thùy N được ly hôn với anh Trần Văn S.

[2.2] Quan hệ con chung: Con chung Trần Phúc Nhật H đang được chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, có nguyện vọng ở với mẹ. Anh Trần Văn S không có mặt ở Việt Nam để thực hiện quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên việc giao con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp, đúng quy định, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chung. Về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Người trực tiếp nuôi con sau ly hôn không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết, bị đơn không có ý kiến, HĐXX không xem xét.

[2.4] Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định.

***Vì các lẽ trên;***

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 2, khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19; khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 123 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 10 Nghị quyết 01/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao về Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 3; khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 và mục A danh mục án phí ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án:

**Tuyên xử**: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thùy N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thùy N được ly hôn với anh Trần Văn S.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Phúc Nhật Huy, sinh ngày 17/02/2015 cho chị Nguyễn Thùy N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Trần Văn S không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung và có quyền đi lại thăm non con chung không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thùy N phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm (chị đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0000271 ngày 15/10/2025 của cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- *TAND tỉnh Hà Tĩnh;*
- *VKSND khu vực 1- Hà Tĩnh (2 bản);*
- *Phòng THADS khu vực 1- Hà Tĩnh;*
- *UBND xã Thạch Lạc, tỉnh Hà Tĩnh;*
- *Đương sự;*
- *Lưu: Hồ sơ, văn phòng.*

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thúy Hạnh**

`